

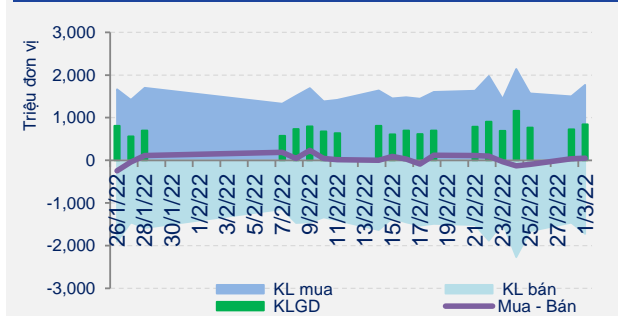
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 1/3/2022

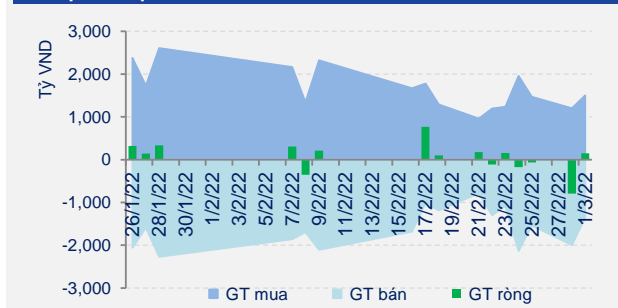
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,498.78	443.56
% Thay đổi	↑ 0.58%	↑ 0.71%
KLGD (CP)	842,906,682	121,460,766
GTGD (tỷ đồng)	26,313.17	3,609.27
Tổng cung (CP)	1,721,572,900	175,594,300
Tổng cầu (CP)	1,772,405,300	154,575,700

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	32,208,310	1,101,006
KL mua (CP)	41,755,600	303,000
GT mua (tỷ đồng)	1,503.51	11.80
GT bán (tỷ đồng)	1,354.98	39.38
GT ròng (tỷ đồng)	148.53	(27.58)

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 0.17%	21.0	3.5	1.0%
Công nghiệp	↑ 0.36%	23.0	3.3	12.5%
Dầu khí	↓ -1.07%	20.3	2.3	3.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 0.30%	-	10.9	3.3%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.44%	16.8	2.6	0.6%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.55%	18.6	3.7	8.3%
Ngân hàng	↑ 0.16%	12.5	2.4	15.1%
Nguyên vật liệu	↑ 0.96%	10.2	2.4	21.2%
Tài chính	↑ 1.23%	23.8	3.2	31.1%
Tiền ịch Cộng đồng	↑ 0.05%	18.8	2.9	3.0%
VN - Index	↑ 0.58%	17.4	3.2	
HNX - Index	↑ 0.71%	23.2	3.8	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Nga và Ukraine đã kết thúc cuộc đàm phán đầu tiên và quay trở về thủ đô nước mình với cam kết sẵn sàng duy trì đối thoại. Đây là một thông tin có thể nói là nghiêng nhẹ về tích cực. Và điều này đã có tác động tốt đến tâm lý nhà đầu tư giúp cải thiện thanh khoản và VN-Index đã lấy lại được gần như toàn bộ số điểm đánh mất vào phiên trước đó. Cụ thể, chỉ số VN-Index tăng 8,65 điểm (+0,58%) lên 1.498,78 điểm. Độ rộng thị trường nghiêng nhẹ về tích cực với 247 mã tăng (22 mã tăng trần), 51 mã tham chiếu, 204 mã giảm (2 mã giảm sàn). Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc nhóm VN30 (+0,19%) có diễn biến tương đối phân hóa nhưng sắc xanh vẫn chiếm ưu thế với 17/30 mã tăng giá, có thể kể đến các đại diện như VIC (+2,9%), VCB (+0,6%), VHM (+0,6%), VNM (+1%), BID (+0,9%)... Nhóm cổ phiếu ngân hàng sau khi tăng khá tốt trong phiên sáng đã chịu áp lực bán về cuối phiên khiến mức tăng bị thu hẹp đáng kể, thậm chí có mã còn chuyển từ "xanh" sang đỏ. Tâm điểm phiên hôm nay có lẽ là nhóm bất động sản xây dựng với nhiều cổ phiếu tăng giá mạnh, thậm chí tăng trần, có thể kể đến DIG (+7%), NLG (+4,2%), CEO (+9,3%), DXG (+2,1%), IDC (+4,2%), SCR (+5,2%), CII (+3,7%), VCG (+2,8%), HBC (+2%), ROS (+2%)... Nhóm thép chịu áp lực chốt lời nên đã phân hóa trở lại với HSG (+1,7%), NKG (+2,5%)... ở chiều tăng và HPG (-0,6%), TLH (-0,2%)... ở chiều giảm. Giá dầu thế giới vẫn đang trong xu hướng tăng nhưng cổ phiếu dầu khí lại bị bán trong phiên hôm nay PLX (-1,6%), OIL (-1%), PSH (-3,5%), PVB (-0,8%), GAS (-0,3%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Hội đàm giữa Nga và Ukraine đã kết thúc trong đêm qua theo giờ Việt Nam. Hiện tại vẫn chưa có thỏa thuận nào được đưa ra nhưng hai bên đã nhất trí về việc có thêm những cuộc đàm phán khác trong tương lai nhằm tìm ra giải pháp cho vấn đề. Đây là động thái có lẽ đã trấn an được phần nào tâm lý nhà đầu tư trên các thị trường tài chính trên thế giới. Diễn biến chứng khoán Mỹ trong đêm qua cũng như diễn biến thị trường châu Á trong phiên hôm nay là từ trung tính đến tích cực nhẹ. Thanh khoản gia tăng trong phiên hôm nay cũng cho thấy việc dòng tiền được cải thiện. Do đó, trong phiên giao dịch tới, chúng tôi cho rằng VN-Index có thể tiếp tục tăng để thử thách lại ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm nếu như không có những thông tin tiêu cực xảy ra trong đêm nay. Những nhà đầu tư đã mua vào trước Tết trong các phiên 12/1, 18/1 và 24/1 như khuyến nghị có thể tiếp tục nắm giữ danh mục hiện tại và đứng ngoài quan sát thị trường.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/3/2022

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index tăng điểm trong toàn bộ thời gian phiên hôm nay nhờ lực cầu xuất hiện ngay từ đầu phiên và được duy trì khá tốt cho đến hết phiên giao dịch, với mức cao nhất trong phiên tại 1.501,73 điểm. Kết phiên, VN-Index tăng 8,65 điểm (+0,58%) lên 1.498,78 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: VIC tăng 2.200 đồng, GVR tăng 1.550 đồng, DIG tăng 6.000 đồng. Ở chiều ngược lại, BCM giảm 2.100 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm trong gần như toàn bộ thời gian phiên hôm nay, với mức cao nhất trong phiên tại 444,7 điểm. Cũng có thời điểm, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm nhẹ xuống dưới mức tham chiếu, với mức thấp nhất trong phiên tại 440,14 điểm. Kết phiên, HNX-Index tăng 3,14 điểm (+0,71%) lên 443,56 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: CEO tăng 6.100 đồng, THD tăng 800 đồng, L14 tăng 14.000 đồng. Ở chiều ngược lại, HUT giảm 2.700 đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 148,53 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 9,5 triệu cổ phiếu. FUEVFVND là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 372,6 tỷ đồng tương ứng với 12,9 triệu cổ phiếu, tiếp theo là NLG với 63 tỷ đồng tương ứng với 1,1 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, HPG là mã bị bán ròng nhiều nhất với 286,6 tỷ đồng tương ứng với 6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại bán ròng với giá trị ròng 27,69 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 798 nghìn cổ phiếu. TNG là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 17,6 tỷ đồng tương ứng với 506 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là PVS với 10 tỷ đồng tương ứng với 288 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 3,9 tỷ đồng tương ứng với 56,9 nghìn cổ phiếu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index tăng điểm nhẹ trong phiên hôm nay với thanh khoản khớp lệnh gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên gần đây. Kết hợp với diễn biến trong phiên hôm nay thì có thể thấy là lực cầu đã xuất hiện trở lại để hỗ trợ thị trường trong bối cảnh tạm thời chưa có những thông tin tiêu cực.

Áp dụng lý thuyết sóng Elliott trên biểu đồ thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết trong khoảng 1.530-1.550 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4). Và một khi vẫn được duy trì trên ngưỡng 1.350 điểm (fibonacci retracement 127,2% fibonacci retracement sóng điều chỉnh 4) thì nhận định trên không có gì thay đổi.

Với phiên tăng nhẹ hôm nay (+0,58%) thì chỉ số VN-Index hiện kết phiên trên vùng hỗ trợ trong khoảng 1.485-1.495 điểm (MA20-50) nhưng vẫn dưới ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm. Điều này cho thấy tâm lý nhà đầu tư đã tích cực hơn nhưng vẫn có đôi chút thận trọng trong bối cảnh hiện tại.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 2/3, VN-Index có thể sẽ tiếp tục đà tăng hiện tại để thử thách lại lần nữa ngưỡng kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Tuy nhiên, nếu có những thông tin tiêu cực diễn ra trong tối và đêm nay khiến áp lực bán gia tăng trở lại thì VN-Index có thể sẽ lại lùi về vùng hỗ trợ 1.485-1.495 điểm (MA20-50) để tìm kiếm lực cầu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

PMI tháng 2 đạt 54.3 điểm, hoạt động sản xuất tiếp tục phục hồi

Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng (Purchasing Managers' Index - PMI) ngành sản xuất Việt Nam đạt 54.3 điểm trong tháng 2, so với 53.7 điểm của tháng 1, tăng tháng thứ tư liên tiếp. Các điều kiện kinh doanh đã cải thiện suốt năm tháng qua, sau khi bị gián đoạn do làn sóng Delta của đại dịch COVID-19 trong năm 2021.



TIN TRONG NƯỚC

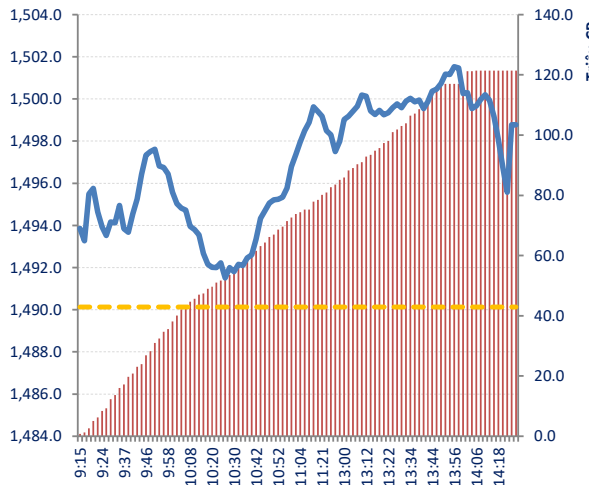
Giá vàng trong nước tăng	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 65,3 - 66,3 triệu đồng/lượng, tăng 500.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và tăng 400.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm giảm	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 1/3 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.137 VND/USD, giảm 3 đồng so với hôm qua.

TIN QUỐC TẾ

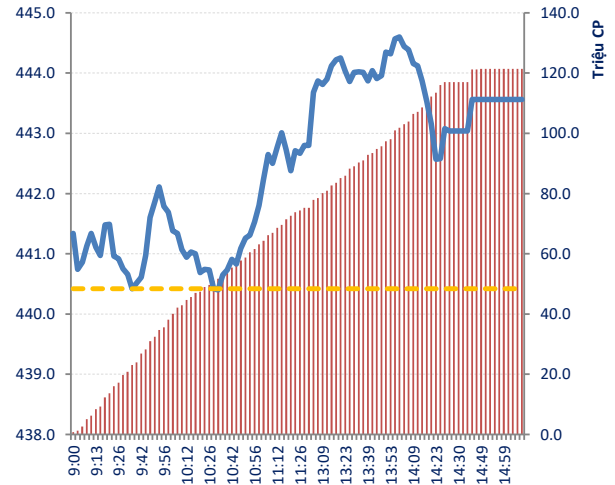
Giá vàng thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới tăng 17,35 USD/ounce tương ứng với 0,91% lên 1.918,2 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,151 điểm tương ứng 0,16% lên 96,840 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1194 USD. USD giảm so với GBP xuống: 1 GBP đổi 1,3423 USD. USD giảm so với JPY xuống: 1 USD đổi 114,8 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 3,12 USD/thùng tương ứng với 3,25% lên 98,81 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ đi ngang	Kết thúc phiên giao dịch ngày 28/2, Dow Jones giảm 166,15 điểm tương đương 0,49% xuống 33.892,6 điểm. Nasdaq tăng 56,77 điểm tương đương 0,41% lên 13.751,4 điểm. Nasdaq Composite giảm 10,71 điểm tương đương 0,24% xuống 4.373,94 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

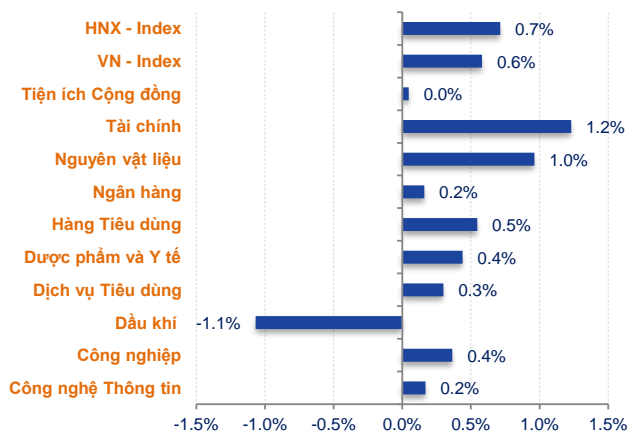
KLGD và VN-Index trong phiên



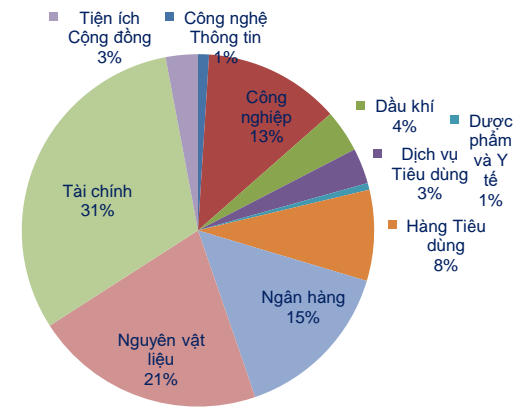
KLGD và HNX-Index trong phiên



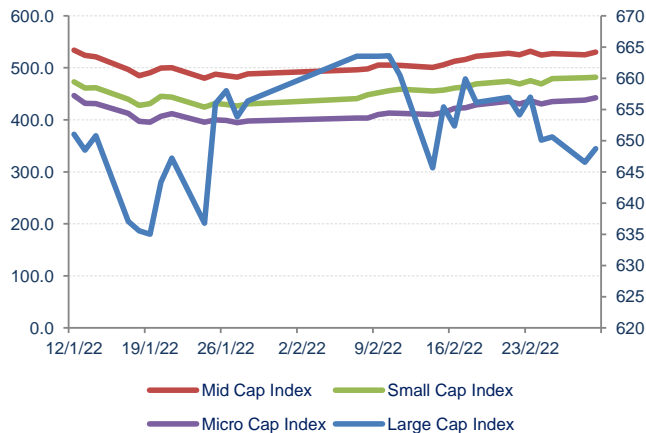
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



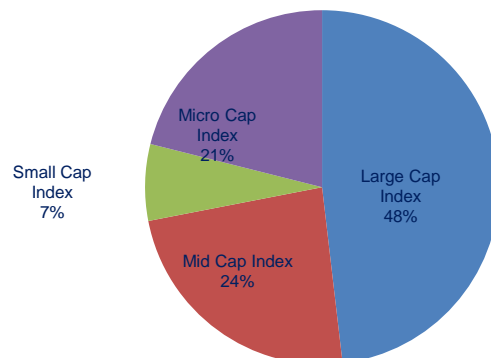
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	FUEVFNVD	12,929,400	HPG	6,048,700
2	MBB	1,132,200	HDB	1,898,800
3	NLG	1,125,000	VIC	1,040,100
4	AMD	980,800	CTG	980,700
5	TPB	926,400	KBC	973,500

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	SCI	72,900	TNG	505,700
2	CEO	56,900	PVS	288,400
3	VMC	15,000	PVI	92,500
4	PRE	13,800	MBG	22,400
5	VKC	10,800	PVC	21,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
POW	17.35	17.45	↑	0.58%	26,541,600
HPG	47.20	46.90	↓	-0.64%	23,374,000
HSG	38.35	39.00	↑	1.69%	22,377,800
FLC	12.50	12.90	↑	3.20%	20,251,100
HQC	7.20	7.70	↑	6.94%	18,913,400

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng		%	KLGD
PVS	34.90	35.00	↑	0.29%	11,533,663
CEO	65.70	71.80	↑	9.28%	8,169,767
HUT	31.20	28.50	↓	-8.65%	7,004,833
MBG	13.80	15.10	↑	9.42%	4,978,203
IDC	71.40	74.40	↑	4.20%	4,844,455

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
SFG	20.00	21.40	1.40	↑ 7.00%
DQC	48.60	52.00	3.40	↑ 7.00%
YEG	27.20	29.10	1.90	↑ 6.99%
PTC	74.50	79.70	5.20	↑ 6.98%
DIG	86.00	92.00	6.00	↑ 6.98%

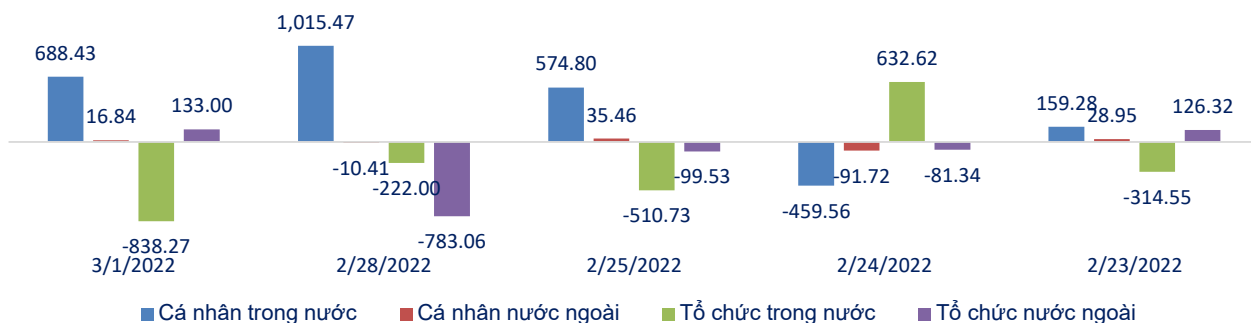
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNC	55.10	60.60	5.50	↑ 9.98%
KHS	31.10	34.20	3.10	↑ 9.97%
LCD	16.30	17.90	1.60	↑ 9.82%
PMP	22.70	24.90	2.20	↑ 9.69%
DST	13.50	14.80	1.30	↑ 9.63%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VMD	41.75	38.85	-2.90	↓ -6.95%
MDG	17.75	16.55	-1.20	↓ -6.76%
TTE	15.95	14.90	-1.05	↓ -6.58%
HAX	38.00	36.00	-2.00	↓ -5.26%
VRC	35.80	34.00	-1.80	↓ -5.03%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
PHN	46.60	42.00	-4.60	↓ -9.87%
SMT	22.30	20.10	-2.20	↓ -9.87%
PPY	19.80	17.90	-1.90	↓ -9.60%
VTJ	9.60	8.70	-0.90	↓ -9.38%
TST	13.00	11.80	-1.20	↓ -9.23%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	272.80	46.0%	7,708	6.1	2.3
KBC	93.10	5.8%	1,587	36.2	2.2
APH	68.16	1.1%	224	117.0	1.1
VIC	68.02	-1.9%	(717)	-	1.8
GMD	59.80	8.9%	2,007	24.8	2.1

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TAC	-131.33	33.4%	5,184	14.1	4.5
VND	-63.46	19.6%	1,947	40.5	4.0
TPB	-53.37	22.6%	3,207	13.2	2.0
NLG	-47.78	10.5%	3,155	17.2	1.5
DIG	-41.36	15.3%	2,210	38.9	5.6

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	4.48	10.8%	1,855	17.7	1.8
AMD	4.21	0.6%	75	81.6	0.5
BID	3.22	12.7%	2,090	20.9	2.6
HPG	3.20	46.0%	7,708	6.1	2.3
ROS	3.16	1.6%	168	48.9	0.8

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-4.36	15.7%	2,932	11.3	1.7
PVT	-3.11	10.1%	2,056	12.1	1.3
VJC	-2.52	7.5%	2,242	62.5	4.5
PNJ	-2.30	18.3%	4,543	22.7	3.9
HVN	-2.04	-832.8%	(7,832)	-	38.0

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TAC	131.20	33.4%	5,184	14.1	4.5
DIG	40.23	15.3%	2,210	38.9	5.6
FLC	28.97	0.7%	119	105.1	0.9
TPB	13.81	22.6%	3,207	13.2	2.0
HPG	13.79	46.0%	7,708	6.1	2.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	-380.18	N/A	N/A	N/A	N/A
APH	-70.90	1.1%	224	117.0	1.1
TCB	-57.90	21.5%	5,144	9.8	2.0
DXG	-49.02	10.3%	1,942	21.8	1.9
GMD	-45.57	8.9%	2,007	24.8	2.1

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFVND	374.64	N/A	N/A	N/A	N/A
NLG	62.64	10.5%	3,155	17.2	1.5
VND	52.82	19.6%	1,947	40.5	4.0
TPB	41.47	22.6%	3,207	13.2	2.0
MBB	39.72	22.6%	3,361	10.2	2.1

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-289.80	46.0%	7,708	6.1	2.3
VIC	-84.02	-1.9%	(717)	-	1.8
KBC	-55.78	5.8%	1,587	36.2	2.2
HDB	-54.27	21.8%	3,034	9.5	1.9
CTG	-28.30	15.7%	2,932	11.3	1.7



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
POW	26,541,600	5.6%	760	22.8	1.3
HPG	23,374,000	3250.0%	7,708	6.1	2.3
HSG	22,377,800	47.7%	8,931	4.3	1.7
FLC	20,251,100	0.7%	119	105.1	0.9
HQC	18,913,400	0.1%	9	821.9	0.8

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	11,533,663	4.7%	1,260	27.7	1.3
CEO	8,169,767	2.7%	362	181.5	4.8
HUT	7,004,833	1.9%	240	130.0	2.9
MBG	4,978,203	10.6%	1,134	12.2	1.2
IDC	4,844,455	9.6%	1,508	47.3	4.6

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
SFG	↑ 7.0%	6.0%	720	27.8	1.6
DQC	↑ 7.0%	2.5%	859	56.6	1.4
YEG	↑ 7.0%	1.9%	534	50.9	1.2
PTC	↑ 7.0%	18.7%	3,476	21.4	3.8
DIG	↑ 7.0%	15.3%	2,210	38.9	5.6

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
DNC	↑ 10.0%	34.7%	5,135	10.7	4.0
KHS	↑ 10.0%	25.7%	4,723	6.6	1.6
LCD	↑ 9.8%	5.7%	1,185	13.7	0.8
PMP	↑ 9.7%	10.3%	1,601	14.2	1.5
DST	↑ 9.6%	9.1%	940	14.4	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
UEVFN	12,929,400	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	1,132,200	22.6%	3,361	10.2	2.1
NLG	1,125,000	10.5%	3,155	17.2	1.5
AMD	980,800	0.6%	75	81.6	0.5
TPB	926,400	22.6%	3,207	13.2	2.0

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SCI	72,900	32.5%	5,344	5.7	1.8
CEO	56,900	2.7%	362	181.5	4.8
VMC	15,000	1.4%	245	115.3	1.6
PRE	13,800	15.9%	2,002	9.9	1.6
VKC	10,800	1.0%	125	99.5	1.0

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	399,898	21.3%	4,629	18.3	3.6
VHM	337,463	35.3%	9,036	8.6	2.6
VIC	293,673	-1.9%	(717)	-	1.8
GAS	225,846	17.1%	4,531	26.0	4.3
BID	221,057	12.7%	2,090	20.9	2.6

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	60,585	21.8%	2,805	61.7	9.6
KSF	32,730	9.1%	1,387	78.7	5.5
IDC	21,420	9.6%	1,508	47.3	4.6
NVB	17,205	0.0%	3	9,365.0	2.9
VCS	17,184	40.6%	11,096	9.7	3.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
TNI	3.93	-2.8%	(310)	-	0.7
SJF	3.19	2.2%	231	52.2	1.1
DLG	3.08	0.7%	53	135.3	0.9
SGR	3.06	4.7%	566	52.0	2.5
NHA	3.06	0.8%	81	741.6	6.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PVL	3.13	7.0%	343	36.5	2.5
CEO	2.38	2.7%	362	181.5	4.8
ART	2.25	0.1%	16	654.8	0.9
SDA	2.19	10.4%	916	25.9	2.3
L18	2.07	6.7%	877	70.2	4.4



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
